

BÁO CÁO

**tổng kết thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban chấp hành
Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

Thực hiện Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 07/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *"Tổng kết Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn"*, Ban Thường vụ Huyện ủy báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW, với các nội dung sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. Công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt, xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết của cấp ủy địa phương

1. Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW, các kết luận 97-KL/TW và 54-KL/TW của Bộ Chính trị của các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể ở địa phương

Sau khi có Nghị quyết 26-NQ/TW của BCHTW Đảng (khóa X) và Chương trình hành động số 68-CTr/TU của Tỉnh ủy, Huyện ủy Lâm Hà đã tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt toàn huyện để học tập, quán triệt Nghị quyết; đồng thời chỉ đạo các TCCS Đảng, các ban, ngành đoàn thể trong hệ thống chính trị tổ chức quán triệt nội dung Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức và tuyên truyền phổ biến nội dung Nghị quyết đến các tầng lớp nhân dân trong huyện theo hình thức hỏi đáp; kết quả có 100% số cán bộ, đảng viên đoàn viên, hội viên mà nhất là hội viên Hội nông dân được tham gia học tập. Qua đó, đã nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và cả hệ thống chính trị về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng-an ninh.

Để cụ thể hóa Nghị quyết 26-NQ/TW của BCHTW Đảng (khóa X) và Chương trình hành động số 68-CTr/TU của Tỉnh ủy phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, Huyện ủy Lâm Hà đã xây dựng kế hoạch số 51^b-KH/HU ngày 29/12/2008 về tập trung phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở huyện Lâm Hà với các mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất; xây dựng giai cấp nông dân theo hướng hiện đại hóa, nâng cao đời sống, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và đô thị, giữa vùng sâu, vùng xa với vùng trung tâm; phát triển nhanh kết cấu hạ tầng nông thôn. Đồng thời, chỉ đạo các TCCS

Đảng nhất là các TCCS Đảng xã, thị trấn căn cứ vào kế hoạch của Huyện ủy để cụ thể hóa thành kế hoạch hành động phù hợp với tình hình của từng địa phương, đơn vị.

Năm 2013, Huyện ủy Lâm Hà đã tổ chức sơ kết 5 năm; năm 2018, Huyện ủy Lâm Hà đã tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới nhằm đánh giá kết quả triển khai thực hiện từ khi có Nghị quyết, những hạn chế yếu kém và đề ra nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện trong thời gian tới.

Huyện ủy, UBND huyện chỉ đạo các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền về vai trò, tầm quan trọng của Nghị quyết 26-NQ/TU và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; triển khai công tác thông tin tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao để phục vụ nhiệm vụ chính trị trong đó có nội dung tuyên truyền về các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước thực hiện chương trình hành động số 68-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26 NQ/TW.

2. Việc xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động của Cấp ủy để thực hiện Nghị quyết

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 26, Chương trình hành động số 68-CTr/TU của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo; tổ chức chỉ đạo, xây dựng, triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án trên địa bàn huyện.

II. Công tác thể chế hóa các chủ trương của Nghị quyết

Thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU về phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2011-2015, Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 23/6/2011 về phát triển Nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp chất lượng cao giai đoạn 2011-2015; UBND huyện đã xây dựng và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 01/04/2011 về phát triển Nông nghiệp công nghệ cao và Nông nghiệp chất lượng cao giai đoạn 2011-2015.

Căn cứ Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; UBND huyện Lâm Hà đã xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình hành động số 03/Ctr-UBND ngày 15/6/2016, thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 trên địa bàn huyện Lâm Hà.

Đã tập trung chỉ đạo thực hiện Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội huyện Lâm Hà đến năm 2020; Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 phê duyệt Dự án Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp và nông thôn huyện Lâm Hà đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025; Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển bò sữa, bò thịt, phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững,

kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn trên địa bàn.

Ngày 30/12 /2020, Huyện ủy Lâm Hà đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HU về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng nông nghiệp thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. UBND huyện đang hoàn thiện Kế hoạch Cơ cấu lại ngành nông nghiệp hướng đến toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2021-2025.

Hàng năm Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, HĐND huyện ban hành Nghị quyết giao chỉ tiêu - kinh tế xã hội cho UBND huyện thực hiện. Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy đã thành lập Ban chỉ đạo CTXDNTM, định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện; UBND huyện hàng năm đều có kế hoạch thực hiện chương trình Nông thôn mới và giao các nhiệm vụ cụ thể để các ngành, các địa phương thực hiện.

Phần thứ hai **KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản bình quân giai đoạn 2008-2010 là 14,5%; giai đoạn 2011-2015 đạt 5,9%; giai đoạn 2015-2020 đạt 5,2%.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn: Năm 2008 tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 72% giá trị sản xuất của huyện, cơ cấu ngành Nông nghiệp: giá trị sản xuất trồng trọt chiếm 88,4%, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi chiếm 10,5%, giá trị sản xuất ngành dịch vụ nông nghiệp chiếm 1,1%; Năm 2015 tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 51,8% tổng giá trị sản xuất của huyện, cơ cấu ngành nông nghiệp: giá trị sản xuất trồng trọt chiếm 73,73%, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi chiếm 20,48%, giá trị sản xuất ngành dịch vụ nông nghiệp chiếm 5,8%; Năm 2020 tỷ trọng ngành nông lâm thủy sản chiếm 48,7% tổng giá trị sản xuất của huyện, cơ cấu ngành nông nghiệp: giá trị sản xuất trồng trọt chiếm 73%, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi chiếm 20,6%, giá trị sản xuất ngành dịch vụ nông nghiệp chiếm 6,4%.

Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 1 ha đất canh tác năm 2008 là 61 triệu đồng, đến năm 2020 đạt 128 triệu đồng, tăng 2,1 lần so với năm 2008.

Tổng diện tích cây trồng được chủ động tưới năm 2008 đạt 39%, năm 2020 đạt 42,1%, tăng 2,1% so với năm 2008.

Độ che phủ rừng trên địa bàn năm 2008 là 36,2%, năm 2020 là 24,6%, giảm 11,6% so với năm 2008.

Tỷ lệ lao động nông lâm nghiệp, thủy sản năm 2008 chiếm khoảng 83,3%; trong đó qua đào tạo 40%; năm 2020 tỷ lệ lao động nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 77,7%, trong đó qua đào tạo 60,4% (tăng 20,4% so với năm 2008).

Năm 2008, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh 80%, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện 90%; năm 2020 tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh trên 96%

(tăng 16% so với năm 2008), tỷ lệ hộ dân sử dụng điện 99,2% (tăng 9,2% so với năm 2008).

Đến năm 2020, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 85%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn đạt 83%.

Hệ thống đường giao thông:

Đường quốc lộ: Năm 2008 là 26 km, năm 2015 là 36 km, năm 2017 là 36 km, năm 2020 là 36 km, có 100% bê tông nhựa.

Đường tỉnh lộ: Năm 2008 là 39 km, có bê tông nhựa là 39 km, đạt 100%; năm 2017 là 130 km, có bê tông nhựa là 102 km, đạt 78,58%; năm 2020 là 130 km, có bê tông nhựa là 112 km, đạt 86,15%.

Đường huyện lộ: Năm 2008 là 190 km, có bê tông nhựa và láng nhựa 70 km, đạt 36,8 %; Năm 2015 đường huyện dài 121 km, có bê tông nhựa và xi măng 84 km, đạt 70%; cấp phối sỏi đồi là 36,6 đạt 30%; Năm 2020 đường huyện, liên xã dài 121 km, trong đó bê tông nhựa và bê tông xi măng là 96,4 km, đạt 80%, đường cấp phối sỏi đồi 26,6 km đạt 20%.

Đường xã, liên thôn: Năm 2008 dài 377 km, trong đó cấp phối sỏi đồi là 159 km, chiếm 42,2%; đường thôn xóm năm 2010 dài 942 km, trong đó cấp phối sỏi đồi 243 km, chiếm 25,8%. Năm 2015 đường xã, liên thôn dài 377 km, trong đó bê tông xi măng và cấp phối sỏi đồi là 287 km, chiếm 76%; đường thôn xóm dài 942 km, trong đó bê tông xi măng và cấp phối sỏi đồi 330 km, chiếm 35%; năm 2020 đường xã, liên thôn dài 377 km, trong đó bê tông xi măng 331 km chiếm 88,8% và cấp phối sỏi đồi là 46 km, chiếm 12,2%; đường thôn xóm dài 942 km, trong đó bê tông xi măng và cấp phối sỏi đồi 660,7 km, chiếm 70,13%.

Y tế: Năm 2008, 9/16 xã, thị trấn có Bác sỹ phục vụ; đạt 2,72 Bác sỹ và 0,14 Dược sỹ đại học/1 vạn dân; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em còn 15,3%, chưa có xã, thị trấn đạt tiêu Quốc gia về Y tế xã; Năm 2020, 16/16 xã, thị trấn có Bác sỹ phục vụ; đạt 3,31 Bác sỹ và 0,21 Dược sỹ đại học/1 vạn dân; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em còn 12,5%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1.35%; có 14/16 xã, thị trấn đạt tiêu Quốc gia về Y tế xã; tỷ lệ người dân toàn huyện tham gia BHYT 90,2%.

Giáo dục: Năm 2008 toàn huyện có 4 trường THPT, 19 trường THCS, có 01 trường TH-THCS, 38 trường tiểu học, giữ ổn định đến năm 2010. Năm 2020, có 5 trường THPT (tăng 01 trường so với 2008), 22 trường THCS (tăng 03 trường so với năm 2008), 02 trường TH&THCS (tăng 01 trường so với 2008), 21 trường mầm non công lập; toàn ngành đã có 63/79 trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 79,75%.

Số thôn, TDP đạt chuẩn văn hóa: năm 2008 là 38/190 thôn, TDP có nhà SHCD, đạt 20%; năm 2020 có 169 /177 thôn, TDP có nhà SHCD, đạt 95% (tăng 75% so với năm 2008).

Năm 2020, toàn huyện có 14/14 xã đạt chuẩn nông thôn mới; huyện đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Lâm Hà đạt chuẩn NTM năm 2021; có 02 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (Gia Lâm, Tân Hà) và 01 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (Gia Lâm).

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Thực hiện tái cơ cấu, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

UBND huyện đã xây dựng và chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 03/CTr-UBND ngày 15/6/2016 về Thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 trên địa bàn huyện Lâm Hà; Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 01/9/2017 về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 30/12/2020 về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng nông nghiệp thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

1.1. Thực hiện tái cơ cấu, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại

a) Chuyển dịch trong sản xuất nông nghiệp

Sản xuất tiếp tục chuyển dịch theo đúng định hướng, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ, ngành trồng trọt phát triển sản xuất theo hướng chất lượng cao, bền vững; các vùng sản xuất chính tiếp tục ổn định và phát huy lợi thế cạnh tranh của từng vùng, từng khu vực góp phần tạo nên lượng sản phẩm hàng hóa lớn đáp ứng yêu cầu của thị trường tiêu thụ và hướng đến xuất khẩu. Phát triển vùng sản xuất cây công nghiệp với các loại cây trồng chủ lực có lợi thế của địa phương mang lại hiệu quả kinh tế cao như rau, hoa, chè, dâu tằm, mắc ca, cây ăn quả, ...⁽¹⁾

Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chú trọng đầu tư thâm canh, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Giai đoạn 2015-2020, toàn huyện đã thực hiện chuyển đổi 6.500 ha cây trồng các loại, trong đó tái canh cà phê 5.910 ha (trồng mới 2.939 ha, ghép chồi 2.971 ha). Qua đó, tỷ lệ giống mới trong sản xuất không ngừng được nâng lên; nhiều mô hình luân canh, xen canh khá thành công, cho hiệu quả kinh tế cao và tính lan toả mạnh. Đến nay, có trên 60% diện tích cà phê được sử dụng các giống ghép, hoặc giống thực sinh từ cây đầu dòng có chất lượng tốt, 16% diện tích cà phê được trồng xen canh các loại cây ăn quả, mắc ca; 70% diện tích cây ăn quả chất lượng cao trên diện tích vườn cây ăn quả toàn huyện; trên 90% diện tích chè trồng các giống chè cành cao sản và chè Đài Loan; 90% diện tích dâu lai. Cây rau hoa, ngày càng đa dạng hóa về chủng loại với chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường. Thông qua việc triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng giống, năng suất cây trồng tiếp tục được cải thiện, năng suất một số cây trồng chính tăng bình quân so với năm 2015: cà phê tăng 4,2%; chè tăng 3,9%, dâu tằm tăng 8,9%,....

¹. Kết thúc năm 2020, diện tích cà phê 39.930 ha, diện tích kinh doanh 38.800 ha, năng suất bình quân 3,3 tấn/ha, sản lượng đạt 128.040 tấn; diện tích cây chè đạt 190 ha, diện tích cho sản phẩm 190 ha, năng suất 116 tạ/ha, sản lượng 2.204 tấn; diện tích cây dâu tằm 3.278 ha, trong đó dâu giống mới 2.700 ha; diện tích cho sản phẩm 3.008 ha, năng suất 253 tạ/ha, sản lượng 76.102 tấn; cây tiêu 364 ha, diện tích tiêu cho sản phẩm 360 ha, năng suất 37 tạ/ha, sản lượng 1.347 tấn; diện tích cây ăn quả 1.270 ha, diện tích cho sản phẩm 643 tạ, năng suất 190 tạ/ha, sản lượng 12.217 tấn (trong đó: cây bơ 525 ha, diện tích cho sản phẩm 230,8, năng suất đạt 169,5 tạ/ha, sản lượng 3.912 tấn; cây sầu riêng 306,2 ha, diện tích cho sản phẩm 142,1, năng suất đạt 190 tạ/ha, sản lượng 2.699 tấn).

Cơ cấu cây trồng có sự chuyển dịch theo hướng giảm diện tích những loại cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao⁽²⁾ như: rau, hoa, dâu tằm, dược liệu, cây ăn quả,...

Xây dựng các mô hình sản xuất theo hướng hợp tác giữa các hộ nông dân với nhau, giữa kinh tế hộ gia đình với doanh nghiệp nhằm xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao. Đến nay, trên địa bàn huyện có nhiều mô hình sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân như các mô hình trồng bơ giống mới, áp dụng tưới phun cho thu nhập khoảng 650 triệu đồng/ha; Mô hình trồng sầu riêng cho thu nhập khoảng 500 triệu đồng/ha/năm; Mô hình trồng Mắc ca xen cà phê cho thu nhập khoảng 300 triệu đồng/ha/năm; Mô hình trồng sầu riêng xen trong cây cà phê cho thu nhập khoảng 200 triệu đồng/ha/năm; Mô hình trồng chuối Laba tại xã Phú Sơn cho thu nhập khoảng 550 triệu đồng/ha/năm.

Lĩnh vực chăn nuôi được phát triển mạnh theo quy mô trang trại, đầu tư hệ thống chuồng kín, chủ động kiểm soát nhiệt độ và sử dụng giống vật nuôi mới, lai tạo, ứng dụng công nghệ ăn tự động cơ giới hóa trong khâu vệ sinh chuồng trại, sử dụng sinh học trong xử lý chất thải nhằm tăng năng suất lao động và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn sinh học trong chăn nuôi. Đến cuối năm 2020, tổng đàn vật nuôi ứng dụng công nghệ cao đạt: đàn bò sữa 841 con, đàn bò thịt chất lượng cao trên 4.000 con; trên 80.000 con lợn và trên 500.000 con gia cầm; tỷ lệ chăn nuôi trang trại chiếm 65% tổng đàn vật nuôi.

b) Sản xuất nông nghiệp an toàn gắn với liên kết chuỗi; phát triển thị trường nông sản.

Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản gắn với đảm bảo các điều kiện an toàn thực phẩm được phát triển mạnh; Trong những năm qua, huyện đã tập trung hỗ trợ giống, hỗ trợ xây dựng kho bảo quản nông sản và tạo điều kiện để các hộ nông dân ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác. Đến nay, trên địa bàn huyện đã phát triển được 7 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị⁽³⁾ từ sản xuất, sơ chế, chế biến đến tiêu thụ (có hợp đồng liên kết lâu dài) với sự tham gia liên kết 355 hộ dân tham gia, tổng diện tích đạt 146 ha, sản lượng đạt trên 2.180 tấn, tập trung vào các đối tượng sản

². Kết thúc năm 2020, diện tích cà phê 39.930 ha, diện tích kinh doanh 38.800 ha, năng suất bình quân 3,3 tấn/ha, sản lượng đạt 128.040 tấn; diện tích cây chè đạt 190 ha, diện tích cho sản phẩm 190 ha, năng suất 116 tạ/ha, sản lượng 2.204 tấn; diện tích cây dâu tằm 3.278 ha, trong đó dâu giống mới 2.700 ha; diện tích cho sản phẩm 3.008 ha, năng suất 253 tạ/ha, sản lượng 76.102 tấn; cây tiêu 364 ha, diện tích tiêu cho sản phẩm 360 ha, năng suất 37 tạ/ha, sản lượng 1.347 tấn; diện tích cây ăn quả 1.270 ha, diện tích cho sản phẩm 643 tạ, năng suất 190 tạ/ha, sản lượng 12.217 tấn (trong đó: cây bơ 525 ha, diện tích cho sản phẩm 230,8, năng suất đạt 169,5 tạ/ha, sản lượng 3.912 tấn; cây sầu riêng 306,2 ha, diện tích cho sản phẩm 142,1, năng suất đạt 190 tạ/ha, sản lượng 2.699 tấn).

³. Kết thúc năm 2020, diện tích cà phê 39.930 ha, diện tích kinh doanh 38.800 ha, năng suất bình quân 3,3 tấn/ha, sản lượng đạt 128.040 tấn; diện tích cây chè đạt 190 ha, diện tích cho sản phẩm 190 ha, năng suất 116 tạ/ha, sản lượng 2.204 tấn; diện tích cây dâu tằm 3.278 ha, trong đó dâu giống mới 2.700 ha; diện tích cho sản phẩm 3.008 ha, năng suất 253 tạ/ha, sản lượng 76.102 tấn; cây tiêu 364 ha, diện tích tiêu cho sản phẩm 360 ha, năng suất 37 tạ/ha, sản lượng 1.347 tấn; diện tích cây ăn quả 1.270 ha, diện tích cho sản phẩm 643 tạ, năng suất 190 tạ/ha, sản lượng 12.217 tấn (trong đó: cây bơ 525 ha, diện tích cho sản phẩm 230,8, năng suất đạt 169,5 tạ/ha, sản lượng 3.912 tấn; cây sầu riêng 306,2 ha, diện tích cho sản phẩm 142,1, năng suất đạt 190 tạ/ha, sản lượng 2.699 tấn).

xuất rau hoa, chè, cây ăn quả, sữa bò và lụa tơ tằm; Phần lớn nông dân đã liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi khép kín từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo thuận lợi để phát triển nông nghiệp công nghệ cao; tỷ lệ sản lượng nông sản tiêu thụ qua chuỗi thông qua hợp đồng đạt 10%, số lượng còn lại thì được thu mua tiêu thụ qua các đăng ký kinh doanh.

Tập trung xây dựng và hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm được triển khai từ năm 2018 đến nay đã có những tác động nhất định đến nhận thức của người sản xuất và nâng cao thương hiệu sản phẩm, đến nay đã có 9 sản phẩm được UBND tỉnh công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh⁽⁴⁾.

1.2. Phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh: Lĩnh vực trồng trọt được các doanh nghiệp và nông dân đã ứng dụng công nghệ nhà lưới, nhà kính, công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm, công nghệ đèn Led, một số doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cảm biến thông minh kết nối và điều khiển tự động, công nghệ giống, cơ giới hóa, tự động hóa được ứng dụng đồng bộ trong canh tác. Diện tích cây ăn quả, chè, cà phê được ứng dụng sản xuất theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (VietGap, UTZ, 4C) nhằm nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm. Đến cuối năm 2020, tổng diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh và thực hành sản xuất nông nghiệp tốt đạt 13.500 ha, chiếm 28,13% diện tích đất canh tác⁽⁵⁾; diện tích nhà kính, nhà lưới đạt 205,8 ha, chủ yếu được sử dụng để trồng rau, hoa.

Đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp. Lĩnh vực trồng trọt cơ giới hóa khâu làm đất đạt 75%, khâu chăm sóc đạt 60%, khâu thu hoạch đạt 21,25%, khâu sơ chế, chế biến đạt 37,5%; Lĩnh vực chăn nuôi, khâu vệ sinh chuồng trại đạt 70%, sơ chế chế biến thực phẩm đạt trên 80%.

Công nghệ chế biến nông sản được quan tâm phát triển thời gian tuy nhiên chưa đạt được sự tăng trưởng như kỳ vọng, chưa thực hiện thu hút được nhà đầu tư như nhà máy chế biến rau, củ, quả... Đến nay, toàn huyện có 26 doanh nghiệp chế biến nông sản⁽⁶⁾, trong đó: có 04 doanh nghiệp chế biến chè; 01 doanh nghiệp chế

⁴. Kết thúc năm 2020, diện tích cà phê 39.930 ha, diện tích kinh doanh 38.800 ha, năng suất bình quân 3,3 tấn/ha, sản lượng đạt 128.040 tấn; diện tích cây chè đạt 190 ha, diện tích cho sản phẩm 190 ha, năng suất 116 tạ/ha, sản lượng 2.204 tấn; diện tích cây dâu tằm 3.278 ha, trong đó dâu giống mới 2.700 ha; diện tích cho sản phẩm 3.008 ha, năng suất 253 tạ/ha, sản lượng 76.102 tấn; cây tiêu 364 ha, diện tích tiêu cho sản phẩm 360 ha, năng suất 37 tạ/ha, sản lượng 1.347 tấn; diện tích cây ăn quả 1.270 ha, diện tích cho sản phẩm 643 tạ, năng suất 190 tạ/ha, sản lượng 12.217 tấn (trong đó: cây bơ 525 ha, diện tích cho sản phẩm 230,8, năng suất đạt 169,5 tạ/ha, sản lượng 3.912 tấn; cây sầu riêng 306,2 ha, diện tích cho sản phẩm 142,1, năng suất đạt 190 tạ/ha, sản lượng 2.699 tấn).

⁵. Trong đó: cây rau đạt 172 ha (rau hữu cơ 2,0 ha); hoa đạt 140 ha; chè đạt 190 ha; cây ăn quả áp dụng tưới tiết kiệm 200 ha và đạt chứng nhận VietGap 6,8 ha; cà phê sản xuất theo tiêu chuẩn UTZ, 4C: 9.915 ha (tưới tiết kiệm 1.500 ha); dâu tằm giống mới 2.800 ha và cây trồng khác 83 ha.

⁶. Chế biến chè: Công ty Cổ phần Long Đình, Công ty TNHH King Wan Chen, Công ty TNHH Jun Hong, Công ty TNHH Hưng Nông.

- Chế biến rau, củ quả: Công ty TNHH Bá Trai.

- Chế biến Cà phê: Công ty TNHH Như Tùng, DNTN Hưng Yên, Công ty TNHH Bùi Mạnh, Công ty TNHH Hân Vinh, Công ty TNHH Hùng Loan, Công ty TNHH Tâm Trinh, Cty TNHH Mai Hoàng Sang, Công ty TNHH Huy Liên, Công ty TNHH Như Ngọc, Công ty TNHH Hà Phòng, Công ty Olam, Công ty TNHH Ánh Nhật Minh.

- Chế biến mứt ca: Công ty TNHH Thực Phẩm Xanh Thuận Bảo Khang, Công ty TNHH Tâm Trinh, Công ty TNHH nông sản Huy Hiếu, Công ty TNHH TM&DV Sao Vàng Mác Ca.

biển rau, củ quả; 12 doanh nghiệp chế biến cà phê; 04 doanh nghiệp biển mắc ca; 04 doanh nghiệp chế biến tằm tơ và 01 doanh nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi.

Đến hết năm 2020 có 7.858 cơ sở kinh doanh ngành nghề nông thôn (chiếm 20,2% tổng số hộ toàn huyện) như ương tơ, dệt thổ cẩm, đan lát, sơ chế, chế biến sản phẩm, kinh doanh dịch vụ thương mại...

2. Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn và đô thị hóa nông thôn

a. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP, ngày 09/01/2017 của Bộ NN&PTNT về việc Ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng quy định chi tiết một số tiêu chí thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020:

Năm 2016, Ban chỉ đạo đã tham mưu cho Huyện ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng Chương trình, Kế hoạch chi tiết để thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020. UBND huyện xây dựng Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 08/11/2016, Đề án xây dựng huyện Lâm Hà đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2020.

Năm 2017, thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện Lâm Hà giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 23/8/2017); thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Lâm Hà (Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 18/01/2017); xây dựng quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Văn phòng Điều phối nông thôn mới phụ trách từng tiêu chí (Quyết định số 517/QĐ-UBND, ngày 28/2/2017); thành lập Hội đồng thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện Lâm Hà (Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 07/7/2017).

Ban Thường vụ Huyện ủy Lâm Hà ban hành Chỉ thị số 15-CT/HU ngày 04/4/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

UBND huyện ban hành: kế hoạch số 61/KH-UBND, ngày 28/3/2017 về việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Lâm Hà năm 2017; kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 17/4/2017 về việc làm việc với các xã để hướng dẫn các xã triển khai thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới; Hướng dẫn số 606/HD-UBND ngày 12/6/2017 về Quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã

thực hiện chương trình NTM và huy động nhân dân đóng góp quỹ phát triển hạ tầng xây dựng nông thôn.

HĐND huyện ban hành Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 26/12/2016 về Phê duyệt đề án huy động và quản lý nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng

Phần lớn các chỉ tiêu Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đều đã đạt và vượt kế hoạch đề ra; đã chuyển biến cơ bản nhận thức của hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, vai trò chủ thể của người dân được khẳng định; diện mạo nông thôn mới ngày càng khởi sắc; đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn không ngừng được nâng cao, môi trường sống được cải thiện; ANCT, TTATXH được giữ vững; các giá trị văn hóa được bảo tồn và phát triển từ đó củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước.

Năm 2020, toàn huyện có 14/14 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 12 xã so với năm 2015), chiếm tỷ lệ 100% tổng số xã; huyện đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện Lâm Hà đạt chuẩn NTM năm 2021; có 02 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (Gia Lâm, Tân Hà) và 01 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (Gia Lâm).

Hàng năm đều cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển nông nghiệp giai đoạn hiện nay.

b. Xây dựng kết cấu hạ tầng - xã hội nông thôn mới và xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn

Đã tập trung đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trên địa bàn huyện Lâm Hà có 45 công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu nước sản xuất nông nghiệp (36 hồ chứa, 9 đập dâng). Tổng diện tích tưới, tiêu thiết kế là 7.680 ha; trong đó: 19 hạng mục công trình được đầu tư xây dựng, đảm bảo tưới tiêu các khu vực hưởng lợi theo năng lực thiết kế của các công trình; thực hiện kiên cố hóa 15,36 km kênh mương; 4,3 km đường giao thông nội đồng kết hợp đường quản lý, vận hành; thực hiện hỗ trợ đào 290 ao, hồ nhỏ theo nhóm hộ thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới, tưới cho khoảng 600 ha đất sản xuất nông nghiệp. Đến năm 2020, tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động khoảng 20.207 ha, chiếm 42,10% diện tích đất canh tác (tăng 1,1% so với năm 2015).

Cơ sở hạ tầng nông thôn điện, đường, trường, trạm và quy hoạch đã thay đổi bộ mặt nông thôn, đường giao thông nông thôn, cầu cống, các công trình nước sạch nông thôn đã giúp cho người dân vùng sâu, vùng xa đi lại thuận lợi.

3. Xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn

Từ khi có Nghị quyết số 26 của Trung ương và Chương trình hành động số 68 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy, chính quyền địa phương đã tập trung lãnh đạo chỉ đạo phát triển kinh tế- xã hội, quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người dân nhất là người dân ở khu vực nông thôn, vùng khó khăn:

Năm 2008, thu nhập bình quân đầu người đạt 12,4 triệu đồng/người/năm, đến năm 2015 thu nhập bình quân đầu người đạt 45,1 triệu đồng/người/năm, bằng

99,78% mặt bằng chung của tỉnh; đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người (GRDP) đạt 68,94 triệu đồng/người/năm, gấp 5,56 lần so với 2008.

Đến nay có trên 96% số hộ dân được dùng nước hợp vệ sinh; 99,2% hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia; 100% các em trong độ tuổi được đến trường.

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện, về hỗ trợ sản xuất, công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chương trình tín dụng, đào tạo nghề, hoạt động truyền thông giảm nghèo, hoạt động giám sát chương trình giảm nghèo. Kết quả, thông qua việc hỗ trợ phân bón và chế phẩm sinh học đi đôi với việc tập huấn chuyển giao khoa học, đầu tư đường giao thông, tiếp cận nguồn vốn vay... từ đó, đã làm chuyển biến về nhận thức của người dân trong phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần mang lại hiệu quả kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo chung trên địa bàn toàn huyện giảm hàng năm là 1%, đến cuối năm 2020 tổng số hộ nghèo toàn huyện là 628 hộ, chiếm tỷ lệ 1,61%, trong đó hộ nghèo DTTS giảm còn 303 hộ, tỷ lệ 4,34%.

4. Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ của hiệu quả ở nông thôn

a) Các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục được đổi mới, phát triển cả về số lượng, chất lượng và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động

Đến cuối năm 2020, toàn huyện hiện có 36 HTX với tổng số vốn điều lệ của các HTX nông nghiệp là 66,5 tỷ đồng; số lượng thành viên tham gia HTX nông nghiệp là 507 thành viên; thu nhập bình quân của một lao động làm việc thường xuyên trong HTX nông nghiệp là 50 triệu đồng/lao động/năm. Đến nay, 100% hợp tác xã đăng ký hoạt động trên địa bàn huyện đảm bảo các nội dung theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Qua đánh giá xếp loại các hợp tác xã theo Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có khoảng 63% số lượng hợp tác xã hoạt động khá, tốt.

Bên cạnh đó, toàn huyện hiện có 97 tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp với tổng vốn góp đạt 1.789 triệu đồng; số lượng thành viên tham gia THT nông nghiệp là 2.179 thành viên; thu nhập bình quân của một lao động làm việc thường xuyên trong tổ hợp tác nông nghiệp là 45 triệu đồng/lao động/năm. Quy mô sản xuất của các nông hộ ngày càng được mở rộng. Qua rà soát theo Thông tư số 02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, đến nay, trên địa bàn huyện có 118 trang trại (91 trang trại chăn nuôi, 24 trang trại trồng trọt, 03 trang trại tổng hợp).

b) Sản xuất nông nghiệp an toàn gắn với liên kết chuỗi; phát triển thị trường nông sản

Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản gắn với đảm bảo các điều kiện an toàn thực phẩm được phát triển mạnh. Trong những năm qua, huyện đã tập trung hỗ trợ giống, hỗ trợ xây dựng kho bảo quản nông sản và tạo điều kiện để các hộ nông dân ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác. Đến nay, trên địa bàn huyện đã phát triển được 7 mô

hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị⁽⁷⁾ từ sản xuất, sơ chế, chế biến đến tiêu thụ (có hợp đồng liên kết lâu dài) với sự tham gia liên kết 355 hộ dân tham gia, tổng diện tích đạt 146 ha, sản lượng đạt trên 2.180 tấn, tập trung vào các đối tượng sản xuất rau hoa, chè, cây ăn quả, sữa bò và lụa tơ tằm. Phần lớn nông dân đã liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi khép kín từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo thuận lợi để phát triển nông nghiệp công nghệ cao; tỷ lệ sản lượng nông sản tiêu thụ qua chuỗi đạt 10% tổng sản lượng nông sản trên địa bàn huyện.

Tập trung xây dựng và hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm được triển khai từ năm 2018 đến nay đã có những tác động nhất định đến nhận thức của người sản xuất và nâng cao thương hiệu sản phẩm, đến nay đã có 9 sản phẩm được UBND tỉnh công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh⁽⁸⁾.

c) Doanh nghiệp trở thành lực lượng nòng cốt để phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Với vai trò ngày càng được khẳng định trong phát triển kinh tế xã hội, lực lượng doanh nghiệp thời gian qua đã đi đầu trong việc ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất; tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Đến nay, số doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp là 48 doanh nghiệp, trong đó lĩnh vực trồng trọt 20 doanh nghiệp, lĩnh vực chăn nuôi 02 doanh nghiệp, lĩnh vực chế biến 26 doanh nghiệp.

5. Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực.

a. Công tác chuyển giao khoa học công nghệ cho sản xuất

Từ năm 2008 đến năm 2020, đã tổ chức 455 lớp tập huấn kỹ thuật về chăm sóc cà phê, trồng dâu, nuôi tằm, trồng lúa, rau hoa công nghệ cao, kỹ thuật trồng cây ăn quả, kỹ thuật chăn nuôi bò với 11.648 lượt người tham gia. Trong đó:

Giai đoạn 2008- 2015, đã tổ chức 275 lớp tập huấn kỹ thuật về chăm sóc cà phê, trồng dâu, nuôi tằm, trồng lúa, rau hoa công nghệ cao với 8.768 người tham gia.

Giai đoạn 2016-2020: Tổ chức 180 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng dâu nuôi tằm, chăm sóc cà phê, chăm sóc tiêu, kỹ thuật trồng rau hoa công nghệ

⁷ Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ rau, củ, quả giữa công ty cổ phần Nông nghiệp & Du lịch sinh thái môi trường xanh với các hộ sản xuất tại xã Gia Lâm và thị trấn Nam Ban (sản lượng bình quân hàng năm đạt khoảng 1.000 tấn); Mô hình liên kết giữa công ty cổ phần Long Đình với các hộ trồng chè tại xã Phúc Thọ (sản lượng bình quân hàng năm đạt 320 tấn chè tươi); Mô hình liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm cây ăn trái giữa HTX cây ăn trái Thanh Long Nam Hà với hộ thành viên (sản lượng bình quân hàng năm đạt 600 tấn); Mô hình liên kết giữa các hộ chăn nuôi bò sữa với công ty cổ phần sữa Việt Nam (sản lượng thu mua khoảng 6.000 kg/ngày); Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ chuối La Ba tại xã Phú Sơn (sản lượng bình quân hàng năm đạt 900 tấn); Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ kén tằm giữa công ty TNHH tơ tằm Ba Minh với các hộ nông dân (sản lượng bình quân hàng năm đạt 50 tấn kén); Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ cây ăn trái của HTX cây ăn trái Bốn Mùa tại xã Đan Phượng (sản lượng bình quân hàng năm đạt 100 tấn).

⁸ Bộ trà Olong ba bông mai của Công ty Cổ phần Long Đình, sản phẩm đạt tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm OCOP cấp quốc gia (hạng 5 sao); Cà phê bột của Công ty TNHH Mai Hoàng Sang, sản phẩm OCOP đạt hạng 4 sao; Macca sấy của Công ty TNHH Nông sản huy Hiếu, sản phẩm OCOP đạt hạng 4 sao; Macca sao vàng của Công ty TNHH Sao Vàng Mắc ca Lâm Hà, sản phẩm OCOP đạt hạng 4 sao; Cà phê chim vàng của Công ty TNHH XNK Tám Trinh, sản phẩm OCOP đạt hạng 4 sao; Hạt mắc ca sấy nứt của Hợp tác xã Nông sản hữu cơ Hùng Thắng, sản phẩm OCOP đạt hạng 4 sao; Chuối La Ba của Hợp tác xã Thương mại Dịch vụ La Ba Phú Sơn, sản phẩm OCOP đạt hạng 4 sao; Mật ong PT Lâm Đồng của Cơ sở Mật ong PT Lâm Đồng, sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao; Macca Hoài Anh của Cơ sở chế biến & kinh doanh mắc ca Hoài Anh, sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao.

cao, kỹ thuật trồng cây ăn quả, kỹ thuật chăn nuôi bò có 2.880 lượt người tham dự; phối hợp với Trung tâm khuyến nông tỉnh tổ chức tập huấn vùng cà phê công nghệ cao Nam Hà 12 cuộc/60 lượt người tham dự; tập huấn nghiệp vụ khuyến nông viên cơ sở cho các xã thị trấn 14 cuộc/50 lượt người tham dự; Phối hợp với Trung tâm khuyến nông tỉnh, tập huấn về chăm sóc cà phê, nuôi tằm cho 300 lượt người tham dự.

b. Các dự án khoa học công nghệ

Từ năm 2008 đến nay, đã triển khai thực hiện 44 Dự án khoa học công nghệ với tổng kinh phí 6.682,794 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước là 5.786,13 triệu đồng, nhân dân đối ứng 896,664 triệu đồng. Trong đó:

Giai đoạn 2008-2015: Đã triển khai thực hiện 29 Dự án khoa học công nghệ với tổng kinh phí 3.661 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước là 3.554 triệu đồng, nhân dân đối ứng 107 triệu đồng.

Giai đoạn 2016-2020: triển khai thực hiện 15 dự án KHCN với kinh phí là 3.021,794 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước là 2.232,13 triệu đồng, nhân dân đối ứng 789,663 triệu đồng.

c. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Từ năm 2008 đến nay đã tổ chức đào tạo nghề cho 4.821 lao động nông thôn được cấp chứng chỉ nghề dưới 3 tháng, với kinh phí trên 5,2 tỷ đồng, các nghề đào tạo chủ yếu sửa chữa máy nông nghiệp, trồng dâu nuôi tằm, chăm sóc cà phê, thêu tay....đối tượng đào tạo chủ yếu là lao động thuộc hộ nghèo, đồng bào DTTS, người khuyết tật, người CHXAPT, người sau cai nghiện, lao động thuộc các thôn, xã nghèo.... Phần lớn lao động sau khi được đào tạo nghề đã tự tổ chức được quá trình sản xuất, áp dụng có hiệu quả những kiến thức đã học áp dụng vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động, góp phần phát triển kinh tế gia đình từ đó làm thay đổi nhận thức, phương thức sản xuất của lao động nông thôn; đào tạo cho 220 lao động học các nghề may công nghiệp, hàn, cơ khí nhằm tạo nguồn phục vụ chương trình xuất khẩu lao động.

Duy trì và giải quyết việc làm cho 37.408 lao động, xuất khẩu lao động cho 1.016 lao động. Góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn huyện đạt 60.4%.

6. Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế nông thôn trên địa bàn huyện

a. Các chương trình dự án hỗ trợ sản xuất

Từ năm 2008 đến năm 2020 đã thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, Chương trình 135, Chương trình 30a, với tổng kinh phí là 18.881,381 triệu đồng (Ngân sách Nhà nước 15.460,098 triệu đồng, nhân dân đối ứng 3.421,283 triệu đồng), trong đó:

Giai đoạn 2008-2015, nguồn kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất là 11.557,381 triệu đồng (Ngân sách Nhà nước 6.707,330 triệu đồng, nhân dân đối ứng 3.421,283 triệu đồng), gồm các nội dung: hỗ trợ phát triển cây dâu tằm; hỗ trợ tái canh cà phê, hỗ trợ xây dựng vườn chồi cà phê; hỗ trợ cây giống chè chất lượng cao; hỗ trợ làm nhà kính và giống hoa trồng trong nhà kính; hỗ trợ dự án chăn nuôi bò sữa; hỗ trợ cây giống quýt đường canh.

Giai đoạn 2016-2020: Thực hiện hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc chương trình 30a, 135, ngoài chương 30a, 135..., tổng kinh phí thực hiện 7.324 triệu đồng, hỗ trợ về con vật nuôi, cây giống, phân bón, vật tư để triển khai thực hiện chương trình.

b. Vốn đầu tư từ ngân sách và trong nhân dân

Từ năm 2008 đến năm 2020: Tổng kinh phí đầu tư là 3.441.270 triệu đồng, từ ngân sách Nhà nước 299.993 triệu đồng, vốn lồng ghép 2.599.369 triệu đồng, cộng đồng dân cư 195.555 triệu đồng; Thành phố Hà Nội hỗ trợ 255.451 triệu đồng; vốn khác 90.902 triệu đồng. Trong đó:

Giai đoạn 2008-2010: Tổng kinh phí đầu tư là 489.356 triệu đồng, từ ngân sách Nhà nước 1.230 triệu đồng, vốn lồng ghép 434.257 triệu đồng, cộng đồng dân cư 22.090 triệu đồng, Thành phố Hà Nội hỗ trợ 14.054 triệu đồng; vốn khác 17.725 triệu đồng.

Giai đoạn 2011-2015: Tổng kinh phí đầu tư là 1.659.691 triệu đồng, từ ngân sách Nhà nước 79.309 triệu đồng, vốn lồng ghép 1.329.432 triệu đồng, cộng đồng dân cư 60.310 triệu đồng, Thành phố Hà Nội hỗ trợ 122.323 triệu đồng, vốn khác 68.317 triệu đồng.

Giai đoạn 2016-2020: Tổng kinh phí đầu tư là 1.292.223 triệu đồng, từ ngân sách Nhà nước 219.455 triệu đồng, vốn lồng ghép 835.680 triệu đồng, cộng đồng dân cư 113.115 triệu đồng, Thành phố Hà Nội hỗ trợ 119.074 triệu đồng, vốn khác 4.860 triệu đồng.

c. Thu hút đầu tư

Đến nay, trên địa bàn huyện có 58 dự án, trong đó đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm, thủy sản là 16 dự án, tổng vốn đầu tư đạt 3.514,73 tỷ đồng, quy mô sử dụng đất đạt 1.338,5 ha.

Nhìn chung, một số dự án đang hoạt động hiệu quả, góp phần giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương như: Dự án xây dựng nhà máy chế biến cà phê nhân chất lượng cao (Công ty TNHH Như Tùng); Dự án khu nghiên cứu, sản xuất và chế biến hạt giống (Công ty TNHH Bejo Việt Nam); Dự án trồng, chế biến chè chất lượng cao (Công ty Long Đình, Hưng Nông, King Wan Chen, Jun Hong); Dự án trồng rau, hoa công nghệ cao và nhân giống cây trồng (Công ty giống cây trồng miền Nam); Dự án trồng hoa, sản xuất giống hoa và trồng rau áp dụng công nghệ cao (Công ty TNHH Dalat Hasfarm). Số lượng dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện không nhiều, quy mô của các dự án còn nhỏ lẻ, tiến độ triển khai các dự án chậm, một số dự án triển khai không hiệu quả và ngừng hoạt động.

- Hoạt động tín dụng - ngân hàng có mức tăng trưởng khá cả về tổ chức tín dụng, quy mô, loại hình vốn, địa bàn, đối tượng phục vụ. Đảm bảo cơ bản nhu cầu vốn cho các tổ chức và cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh; thực hiện tốt các chính sách tiền tệ của Chính phủ, góp phần tác động tích cực vào thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Số dư nguồn vốn huy động của các

ngân hàng thương mại trên địa bàn huyện đến cuối năm 2020 đạt trên 6.863 tỷ đồng/15.300 khách hàng; ngân hàng chính sách xã hội 383,48 tỷ đồng/11.461 hộ vay.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn nhất là Hội Nông dân

Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, bộ máy quản lý nhà nước, các đoàn thể, hội nông dân luôn đổi mới phương thức hoạt động; cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện đã phát huy được sức mạnh tổng hợp toàn diện trên các lĩnh vực và nhất là đời sống vật chất tinh thần và vùng nông thôn ngày càng được đổi mới và phát triển, khối đại đoàn kết các dân tộc được giữ vững, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Tuy nhiên còn một số địa phương đơn vị, có lúc chưa thực sự quan tâm chỉ đạo; năng lực tổ chức thực hiện, khả năng tuyên truyền vận động thực hiện còn hạn chế.

a. Hội nông dân: Kết quả thực hiện Đề án Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn huyện:

Công tác xây dựng tổ chức Hội là nhiệm vụ then chốt của Hội, trong đó công tác phát triển hội viên được các cấp Hội đặc biệt quan tâm. Trong đó, nhiều loại hình tập hợp mới được các cấp Hội triển khai thực hiện phù hợp với yêu cầu của Nghị quyết số 26-NQ/TW, nhất là hình thức tập hợp nông dân theo các nhóm ngành nghề, sở thích; tập hợp nông dân thành các tổ, nhóm sản xuất, vay vốn, tiết kiệm: “Tổ an ninh nhân dân”, “Tổ tín dụng, tiết kiệm”, “Câu lạc bộ khuyến nông”; Câu lạc bộ nông dân với pháp luật; .v.v. đã đem lại lợi ích thiết thực cho hội viên, qua đó, đã tập hợp được rộng rãi nông dân vào tổ chức Hội. Trong 10 năm đã kết nạp được 12.025 hội viên bình quân mỗi năm kết nạp được 900 hội viên (vượt 3,1% so với Nghị quyết). Nâng tổng số hội viên trong toàn huyện đến nay là 22.227 hội viên, đạt 80% số hộ nông nghiệp.

Hội nông dân huyện phối hợp với Hội nông dân tỉnh, Trung tâm dạy nghề tỉnh tổ chức được 1.565 buổi tập huấn cho hội viên nông dân, hướng dẫn cách tổ chức thành lập các hình thức kinh tế tập thể. Tại lớp tập huấn công tác Hội hàng năm, Huyện hội chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về tạo điều kiện cho nông dân xây dựng các mô hình kinh tế, phát triển sản xuất và hỗ trợ vốn cho người dân. Qua đó, giúp cho nông dân nhận thức rõ hơn về hình thức kinh tế tập thể, vận động lẫn nhau trong việc thành lập các mô hình điển hình và nhân rộng. Kết quả, đến nay toàn huyện đã thực hiện chỉ tiêu xây dựng mô hình kinh tế tập thể: 15 mô hình/350 hội viên tại các xã Tân Hà, Liên Hà, Đa Đông, Phú Sơn, Phi Tô và TT Nam Ban.

Hàng năm, các cấp hội đã trực tiếp, phối hợp tập huấn khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho 15.000 lượt hội viên nông dân tham gia. Hàng năm, có 12.000 hộ nông dân đăng ký thi đua đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, chiếm 55 % hộ nông dân; kết quả có 7.200 hộ đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi các cấp; hàng năm số hộ nông dân đạt danh hiệu SXKDG tăng 3% so với năm trước.

Các cấp hội tổ chức tốt các hoạt động dịch vụ hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo bền vững. Đã chủ động phối hợp với các công ty phân bón, thức ăn chăn nuôi để cung ứng trên 8.000 tấn phân bón (Bình quân mỗi năm từ 800 đến 1000 tấn); hàng trăm tấn thức ăn gia súc các loại cho nông dân. Đến nay, có 100% cơ sở Hội tổ chức các dịch vụ cung ứng, vật tư, tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ kỹ thuật, vốn cho nông dân; trong đó có 04 cơ sở tổ chức dịch vụ tiêu thụ sản phẩm của nông dân.

Đến nay, việc xây dựng và phát triển quỹ Hỗ trợ nông dân được các cấp hội đặc biệt coi trọng và thực hiện có hiệu quả. Tổng nguồn quỹ Hỗ trợ nông dân đã huy động được 2.1 tỷ đồng trong đó nguồn ngân sách huyện hỗ trợ 1.3 tỷ, vận động trong hệ thống hội 900 triệu; bên cạnh đó hội đã đề nghị tỉnh cho vay 900 triệu, TW hội cho vay 1,2 tỷ đồng.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ Hội được các cấp Hội quan tâm. Ban chấp hành được cơ cấu hợp lý về trình độ chính trị, học vấn, chuyên môn nghiệp vụ cũng như uy tín, trách nhiệm của cán bộ Hội được nâng lên. Hàng năm, các cấp Hội đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chính trị, quản lý nhà nước cho 98% cán bộ Hội từ cơ sở. Tích cực tham mưu cấp ủy trong công tác quy hoạch cán bộ, gắn quy hoạch với đào tạo cán bộ, quan tâm đến cán bộ trẻ, cán bộ nữ. Cử 8 đồng chí đi học lớp trung cấp xã hội chuyên ngành công tác Hội Nông dân tại Tỉnh Hội. Đến nay, 80% cán bộ chuyên trách của huyện, cơ sở có trình độ đại học, trung cấp lý luận chính trị trở lên; 87% chủ tịch, 90 % phó chủ tịch Hội nông dân cơ sở có trình độ trung cấp chuyên môn. Đây là những điều kiện quan trọng để các cấp Hội Nông dân Việt Nam tuyên truyền, vận động và tổ chức cho hội viên nông dân tham gia thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ của Nghị quyết số 26-NQ/TW.

Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh và khối đại đoàn kết toàn dân tộc: Các cấp Hội đã nêu cao tinh thần trách nhiệm vận động nông dân tích cực tham gia xây dựng đảng, chính quyền vững mạnh thông qua tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của cấp ủy các cấp, quyết định chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tổ chức Hội, hội viên tích cực tham gia đóng góp ý kiến phê bình Đảng viên, tổ chức đảng. Tuyên truyền hội viên, nông dân tích cực tham gia cuộc bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 và 2016 - 2020. Triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, HĐND, quyết định của UBND các cấp, thông qua đó khẳng định chủ trương đúng, hợp lòng dân, đồng thời chỉnh sửa, điều chỉnh, bổ sung các chính sách cho phù hợp tình hình thực tế của địa phương. Các cấp hội chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nông dân phản ánh với đảng, chính quyền thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến đến với đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp. Trong nhiệm kỳ qua, đã giới thiệu 05 đồng chí tham gia cấp ủy Đảng, 103 đồng chí chủ tịch, phó chủ tịch, cán bộ tham gia hội đồng nhân dân các cấp.

b. Hội phụ nữ:

Hội LHPN huyện đã chỉ đạo, hướng dẫn Hội LHPN 16 xã, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Triển khai tuyên truyền đến cán bộ, hội viên, phụ nữ, tích cực tham gia chương trình xây dựng Nông thôn mới, tổ chức quán triệt việc thực hiện các tiêu chí NTM trong từng cán bộ hội viên; hướng dẫn cơ sở xây dựng các mô hình dân vận khéo gắn với xây dựng NTM. Hội luôn quan tâm giới thiệu tập thể và cá nhân điển hình về xây dựng nông thôn mới, xây dựng chi hội kiểu mẫu, tuyến đường hoa., đến nay đã giới thiệu được 80 tập thể và 115 cá nhân tiêu biểu.

Hưởng ứng phong trào “Nói không với rác thải nhựa”, vận động người dân hạn chế sử dụng túi nilông, dùng túi sinh thái hoặc làn khi đi chợ, giảm lượng rác thải trong sinh hoạt hàng ngày, phân loại rác thải tại hộ gia đình, tận dụng rác hữu cơ tái chế làm phân vi sinh sử dụng bón cây trong gia đình.

Với chủ đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh “Làm theo Bác thực hành tiết kiệm, giúp nhau giảm nghèo bền vững”, đẩy mạnh phong trào hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, thực hành tiết kiệm, xây dựng và nhân rộng mô hình giúp nhau giảm nghèo bền vững, tích cực tuyên truyền vận động cán bộ hội viên, phụ nữ đóng góp tiết kiệm tại chi, tổ hội, tổ góp vốn xoay vòng, đến nay có 380 tổ /14.380 thành viên với số tiền hơn 12,2 tỷ đồng giúp cho 2.051 chị vay phát triển kinh tế.

Tạo điều kiện để các hội viên vay vốn đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Vốn vay theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ bằng hình thức cho vay qua Tổ vay vốn; Dư nợ đến nay là 98,3 tỷ/28 tổ/ 681 khách hàng, tại 08/16 xã, thị trấn. NH huyện Lâm Hà và các Đoàn thể huyện về thực hiện ủy thác cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Vay vốn ngân hàng Chính sách – xã hội; Dư nợ ủy thác do Hội quản lý đến nay là 142,6 tỷ đồng/108 tổ /4.174 hộ vay.

Hội LHPN huyện phối hợp với tổ chức Care thành lập 10 mô hình tiết kiệm và cho vay gọi tắt là VSLA tổng cộng có 176 thành viên đóng góp cổ phần trị giá 191 triệu đồng, cho 35 người vay.

Để giúp các hộ nghèo thoát nghèo một cách bền vững, song song với việc hỗ trợ vốn, con giống, ngày công, chuyển giao khoa học kỹ thuật. Những năm qua, cùng với phong trào giúp nhau, chương trình đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho phụ nữ nông thôn được chú trọng. Các cấp Hội đã phối hợp tư vấn, giới thiệu việc làm và đào tạo nghề có 6.117 chị em tham gia.

c. Ủy ban MTTQ Việt Nam:

Ủy ban MTTQ Việt Nam phối hợp với các các ngành, các tổ chức thành viên và các địa phương tổ chức các đợt tuyên truyền về thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới, giúp nâng cao nhận thức cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện, tạo sự lan tỏa, đồng thuận của nhân dân với cấp

ủy, chính quyền địa phương, góp phần huy động tối đa nguồn lực xã hội trong việc xây dựng nông thôn mới:

Đã lồng ghép tuyên truyền thông qua các hội nghị, cuộc họp ở khu dân cư trên 3.900 đợt, 200.000 lượt người tham gia. Phối hợp phát hành hơn 10.000 tờ rơi tuyên truyền, tổ chức 14 hội thảo, 8 cuộc tọa đàm chuyên đề về xây dựng nông thôn mới, phối hợp tổ chức Lễ phát động phong trào thi đua “Cùng cả nước Lâm Hà chung sức xây dựng nông thôn mới” tại huyện và tại 14/14 xã trên địa bàn huyện; hướng dẫn xây dựng, duy trì 20 mô hình “Cơ sở tôn giáo sáng - xanh - sạch đẹp, an toàn”.

Nhân dân các dân tộc trên địa bàn đã đóng góp trên 88.000 ngày công, 149.000 triệu đồng, hiến trên 15.000 m² đất xây dựng, kiên cố hóa đường giao thông nông thôn, nhà sinh hoạt cộng đồng và các công trình phúc lợi xã hội khác. Phối hợp vận động Quỹ “Vì người nghèo”, “Ngày vì người nghèo” được trên 16 tỉ đồng, xây dựng, sửa chữa 117 căn nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, 162 căn nhà theo Đề án 654; vận động hỗ trợ các hộ gia đình gặp khó khăn đột xuất 4.184 triệu đồng. Phối hợp vận động, hỗ trợ 30 hộ tại 04 đồng bào dân tộc thiểu số xã Mê Linh trên 100 triệu đồng triển khai thực hiện mô hình trồng dâu nuôi tằm, đến nay đã có 85 hộ hộ đồng bào dân tộc thiểu số trồng dâu nuôi tằm đạt kết quả, đời sống được nâng cao, nhiều hộ đã thoát nghèo. Hướng dẫn Mặt trận cơ sở xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác phòng chống tội phạm, câu lạc bộ tự quản về an ninh trật tự hoạt động có hiệu quả như: “Khu dân cư an toàn”, “Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội”, “Tổ tự quản trật tự an toàn giao thông”, “Khu dân cư lành mạnh không có TNXH”, “Gia đình không có người phạm tội và mắc tệ nạn xã hội”... Hướng dẫn Mặt trận cơ sở phối hợp xây dựng 243 mô hình trong xây dựng nông thôn mới tại địa bàn dân cư, trong đó có 166 mô hình bảo vệ môi trường, 22 mô hình ANTT, 36 mô hình Phát triển kinh tế, 8 mô hình xây dựng đời sống văn hóa, 8 mô hình GTNT, 03 mô hình chấp hành pháp luật; có 44 mô hình “Khu dân cư tiêu biểu” cấp huyện và 07 mô hình “Khu dân cư kiểu mẫu” cấp tỉnh được công nhận, khen thưởng. Phối hợp tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy Kế hoạch số 21 KH/HU, ngày 21/6/2021 về “Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, nhân rộng và nâng cao chất lượng Khu dân cư tiêu biểu, Khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn huyện Lâm Hà, giai đoạn 2021 - 2025”. Năm 2021, Có 59 thôn, khu phố đăng ký xây dựng mô hình khu dân cư tiêu biểu, kiểu mẫu, có 28 thôn, khu phố đăng ký xây dựng mô hình khu dân cư kiểu mẫu.

Phối hợp tuyên truyền thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tập trung xây dựng, duy trì 184 tổ dân phòng “dân cử dân nuôi” với 1.746 thành viên tham gia; 72 tổ tự quản về ANTT với 314 thành viên. Phối hợp hướng dẫn xây dựng 46 mô hình tuyến đường ATGT các xã, thị trấn; thành lập và duy trì hoạt động khá hiệu quả 51 mô hình “Tổ an ninh liên gia” với 184 người tham gia; tham gia cảm hóa giáo dục được 387 đối tượng lầm lỗi tái hòa nhập cộng đồng. Tổ chức 23 Đoàn giám sát về bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng các công trình, dự án, chính sách hỗ trợ an sinh xã hội, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi, trợ giá cây trồng, cấp phát gạo cho

học sinh vùng khó khăn, quản lý, sử dụng kinh phí tại khu dân cư, tại các địa phương; Đoàn giám sát kiến nghị 37 nội dung, đã xử lý, khắc phục 34 nội dung kiến nghị. Hướng dẫn Mặt trận cơ sở tổ chức giám sát các công trình do nhà nước và nhân dân cùng làm, công trình do nhân dân tự đóng góp làm.

Các cấp trong hệ thống Mặt trận đã tập trung học tập, quán triệt, tổ chức thực hiện từ huyện để cơ sở một cách nghiêm túc, kịp thời và hiệu quả. Qua đó, tiếp tục tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của cả hệ thống chính trị đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Vai trò, vị trí của nông dân nông thôn được khẳng định; tính năng động, sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống của nhân dân được phát huy, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

Vai trò giám sát, phản biện của MTTQ trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn: Hàng năm, phối hợp với Hội Nông dân, Phòng y tế, phòng Nông nghiệp & PTNT tổ chức kiểm tra, giám sát với nhiều nội dung liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn như giám sát về công tác quản lý Nhà nước của địa phương thực hiện pháp luật trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, bảo đảm an toàn.

d. Hội Cựu chiến binh: Đã tổ chức quán triệt Nghị quyết tới hội viên. Phối hợp xây dựng và triển khai thực hiện nội dung, chỉ cụ thể về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Vận động hội viên tham gia các phong trào “CCB gương mẫu” gắn với phong trào “thi đua yêu nước”, bảo vệ an ninh tổ quốc, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Qua 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 26 và Chương trình hành động số 68 của Ban thường vụ Tỉnh ủy trên địa bàn huyện Lâm Hà đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Ngành nông nghiệp tiếp tục phát triển với tốc độ khá cao theo hướng sản xuất bền vững năng suất, chất lượng và hiệu quả; một số mặt hàng nông sản xuất khẩu như cà phê, chè, tiêu, rau hoa công nghệ cao chiếm tỷ lệ lớn trong thu nhập GDP của huyện. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục đổi mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt nông thôn thay đổi. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố và tăng cường, dân chủ cơ sở được phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2. Hạn chế và tồn tại

Nông nghiệp phát triển chưa mang tính bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào yếu tố khí hậu và giá cả thị trường. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp chậm, giá cả sản phẩm không ổn định; sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển chậm, tỷ lệ sản phẩm nông sản đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng cao còn thấp; việc xây dựng và phát triển mô hình sản xuất, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm còn nhiều khó khăn, chưa tạo được nhiều sản phẩm có thương

hiệu và có sức cạnh tranh cao; các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm còn yếu, thiếu tính bền vững. Nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế và thiếu tập trung. Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng tuy có giảm nhưng còn diễn biến phức tạp.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, công nghiệp dịch vụ và ngành nghề nông thôn chưa được chú trọng, chưa thúc đẩy phát triển sản xuất. Một số vùng sản xuất còn chậm phát triển, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kinh tế hợp tác- hợp tác xã, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chưa được phát triển mạnh trên địa bàn.

Việc áp dụng khoa học kỹ thuật chưa được triển khai đồng bộ, thiếu tính chiến lược nên hiệu quả mang lại chưa cao. Sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp còn ở mức thấp. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, nông sản, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường còn nhiều hạn chế.

Cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư nâng cấp nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của thực tế, diện tích đất nông nghiệp chủ động nước tưới chiếm tỷ lệ thấp, nhất là diện tích cây công nghiệp dài ngày, chất lượng đường điện nông thôn còn thấp.

Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc còn cao, kết quả giảm nghèo tuy đã đạt được nhiều kết quả nhưng thiếu tính bền vững, đời sống của một bộ phận người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; chất lượng lao động nông thôn còn thấp, tỷ lệ nông dân chưa qua đào tạo nghề chiếm tỷ lệ lớn, dẫn tới trình độ canh tác và tổ chức sản xuất ở mức thấp, chưa hiệu quả.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

a. Về nguyên nhân khách quan

Điểm xuất phát về kinh tế của các hộ nông dân thấp, đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn; dịch bệnh trên người, cây trồng, vật nuôi, thời tiết diễn biến phức tạp; cơ sở hạ tầng đầu tư chưa đồng bộ; giá cả hàng hóa, vật tư phục vụ sản xuất và đời sống liên tục tăng cao trong khi đó giá cả nông sản không ổn định.

b. Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức của cán bộ, đảng viên về vị trí vai trò mối quan hệ của nông nghiệp, nông dân và nông thôn chưa được đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Vai trò của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cơ sở trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, chương trình của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn còn nhiều hạn chế.

Nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí đầu tư hàng năm cho ngành nông nghiệp, nông dân và nông thôn còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương; công tác chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật được triển khai nhưng người nông dân áp dụng vào sản xuất còn chậm, do năng lực tài chính còn hạn chế, trình độ canh tác của nông dân đang ở mức thấp.

Kinh tế tập thể mà chủ yếu là kinh tế hợp tác, hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động còn nhiều lúng túng và chưa hiệu quả.

Công tác chỉ đạo điều hành, quản lý Nhà nước còn hạn chế nhất là trong tổ chức chỉ đạo sản xuất theo hướng nông nghiệp công nghệ cao và thực hiện các chương trình dự án đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ ý nghĩa chính trị, kinh tế, nhân văn của Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từ đó phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Hai là: Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ ở cơ sở; phát huy vai trò, trách nhiệm, tâm huyết của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, địa phương, đơn vị trong việc thực hiện Nghị quyết.

Ba là: Có các chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại. Tập trung cao cho phát triển sản xuất, khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương; tạo thuận lợi thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Bốn là: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động để huy động nguồn lực trong nhân dân đầu tư sản xuất kinh doanh và đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng. Phải công khai, dân chủ, trao quyền tự chủ tối đa cho người dân để người dân thực sự là chủ thể chính trong quá trình thực hiện.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2021-2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. Dự báo xu thế phát triển lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn

1. Thuận lợi

Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả nhất định, phấn đấu đến hết năm 2021 Lâm Hà đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới, cơ sở hạ tầng nông thôn ngày càng được hoàn thiện, tạo điều kiện thúc đẩy lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn phát triển.

Lâm Đồng là tỉnh đi đầu trong cả nước về phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trên địa bàn huyện đã bước ứng dụng sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chất lượng cao và đã có nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao. Một bộ phận nông dân đã có vốn, trình độ ứng dụng các

tiến bộ khoa học, công nghệ, ý thức, vai trò chủ động sáng tạo được nâng lên, đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Đã có các tổ chức cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, trong thời gian tới sẽ có nhiều nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện để nông dân tiếp cận, áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất và sản xuất theo hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Được sự quan tâm của tỉnh Lâm Đồng, thành phố Hà Nội và sự nỗ lực vươn lên của địa phương trong thu ngân sách nhà nước, tăng thêm nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Bên cạnh đó nguồn vốn cho vay từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng tạo điều kiện để người dân mở rộng sản xuất kinh doanh.

Những kết quả quan trọng đạt được trong thời gian qua, nhất là chương trình xây dựng nông thôn mới là cơ sở, tiền đề quan trọng cho sự phát triển trong thời gian tới.

2. Khó khăn, thách thức

Biến đổi khí hậu ngày càng rõ hơn và có những diễn biến bất thường; tình hình dịch bệnh trên người và vật nuôi có nguy cơ bùng phát; tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng tuy có giảm nhưng còn diễn biến phức tạp; khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên lãng phí, kém hiệu quả, ô nhiễm môi trường trong sản xuất, sinh hoạt chưa được giải quyết một cách triệt để.

Đòi sống, nhận thức, trình độ tiếp thu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất của một bộ phận nhân dân còn hạn chế.

Trong những năm qua, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất tuy đã được đầu tư nâng cấp nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất ứng dụng công nghệ cao, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

Một bộ phận nông dân chưa quan tâm tới chất lượng, vệ sinh an toàn sản phẩm, sản xuất chưa gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm. Giá cả nông sản phẩm không ổn định, cạnh tranh thị trường các mặt hàng nông sản ngày càng khốc liệt, đặc biệt yêu cầu về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm đòi hỏi ngày càng cao, sản phẩm cần phải có thương hiệu.

II. Quan điểm

Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, hiện đại và kinh tế nông thôn gắn với Xây dựng nông thôn mới vừa là nhiệm vụ cấp bách trước mắt, vừa là mục tiêu lâu dài của huyện, dựa trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, đất đai, khí hậu, nguồn lực của huyện.

Lấy doanh nghiệp làm động lực và là hạt nhân phát triển, lấy nông dân làm chủ thể, lấy khoa học công nghệ làm then chốt, lấy kinh tế hợp tác làm nòng cốt, lấy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hợp tác xã, hộ gia đình làm nền tảng để phát triển bền vững. Phát huy tính cần cù, sáng tạo của nông dân; huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư phát triển có tính đột phá trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, trình độ

ứng dụng khoa học công nghệ cho nông dân, xây dựng nông thôn mới văn minh hiện đại.

III. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, với cơ cấu kinh tế hợp lý, kết cấu hạ tầng phát triển và từng bước hiện đại, xã hội nông thôn ổn định, thu nhập và dân trí được nâng cao, dân cư nông thôn tiếp cận tốt các dịch vụ xã hội và phúc lợi công cộng, môi trường sinh thái được bảo vệ.

Phát triển nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, tiếp tục phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ; tích cực ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để tăng năng suất lao động, cây trồng, vật nuôi, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích; mở rộng liên kết sản xuất, hình thành và phát triển chuỗi giá trị, thu mua tiêu thụ nông sản hợp lý, giảm khâu trung gian, tăng thu nhập cho nông dân, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và năm 2030

Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân đạt 5-5,5%. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: trồng trọt chiếm khoảng 71%; chăn nuôi chiếm khoảng 22% và dịch vụ nông nghiệp chiếm khoảng 7%. Đến năm 2030 tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân đạt 4- 5%. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: trồng trọt chiếm khoảng 65%; chăn nuôi chiếm khoảng 25% và dịch vụ nông nghiệp chiếm khoảng 10%.

Phân đầu diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh, sản xuất nông nghiệp tốt đạt 24.690 ha, chiếm 51,22% diện tích đất canh tác, trong đó: diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ thông minh đạt 150 ha, chiếm 0,41%; phát triển sản xuất hữu cơ trên 180 ha. Đến năm 2030 diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh, sản xuất nông nghiệp hữu cơ tăng bình quân khoảng 5%.

Giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích trung bình khoảng 190 triệu đồng/ha/năm; đến năm 2030 đạt khoảng 280 triệu đồng/ha/năm.

Đẩy mạnh phát triển các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phân đầu mỗi năm tăng ít nhất 10% số chuỗi, số hộ tham gia và 20% giá trị nông sản qua chuỗi.

Phân đầu đến năm 2025, 100% cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo ATTP và 99% nông sản được kiểm nghiệm đáp ứng tiêu chuẩn an toàn.

Hỗ trợ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp, thành lập mới 3-4 HTX/năm; có trên 80% HTX được đánh giá hoạt động khá, tốt.

Đẩy mạnh phát triển thương hiệu các sản phẩm điển hình của từng địa phương, phân đầu công nhận được 16 sản phẩm OCOP cấp tỉnh, 3 sản phẩm OCOP cấp quốc gia, nâng tổng số sản phẩm OCOP toàn huyện đạt 28 sản phẩm (25 sản phẩm cấp tỉnh, 3 sản phẩm cấp quốc gia). Đến năm 2030 toàn huyện đạt 33 sản phẩm (28 sản phẩm cấp tỉnh, 5 sản phẩm cấp quốc gia).

Diện tích canh tác được tưới chủ động đạt trên 48,04% diện tích cần tưới, tương đương khoảng 23.057 ha, tăng 2.830 ha (so với năm 2020). Phần đầu tổng số hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 97%; Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo QCVN đạt 48,5%. Đến năm 2030, diện tích canh tác được tưới chủ động đạt trên 50% diện tích cần tưới, phần đầu tổng số hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 99%; Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo QCVN đạt 50%.

Lâm Hà đạt tiêu chí huyện nông thôn mới trong năm 2021; phần đầu đến năm 2025, các xã Gia Lâm, Tân Hà, Đông Thanh, Tân Văn, Đa Đồn và Nam Hà đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nâng tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao khoảng 42,8%; có tổng cộng 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Đến năm 2030, có thêm 02 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Phần đầu đến năm 2045 có thêm 04 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 02 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

** Một số chỉ tiêu chủ yếu*

	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2045
+ Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội:			
- Giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản bình quân năm	5-5,5%	4-5	3,5-4
- Giá trị ngành công nghiệp- xây dựng tăng bình quân năm	12-13%	13-14	14-15
- Giá trị sản xuất ngành thương mại, dịch vụ tăng bình quân năm	10-10,5%	11-12	12-13
- Tổng thu NS Nhà nước tăng bình quân hàng năm	> 12%	> 12,5%	>13%
+ trong đó thu thuế phí tăng	>14%	> 14,5%	> 14,5%
- Phần đầu tăng độ che phủ rừng	> 27%	>29,5%	> 40%
- Tỷ lệ số hộ dân đô thị được sử dụng nước sạch đạt	76,5%	80%	85%
- Tỷ lệ số hộ dân vùng nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt	97%	98%	99%
- Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt	99,5%	99,7%	99,9%
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt	> 70%	> 75%	>80%
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm	0,5-1%	0,5-1%	0,5-1%
+ Riêng hộ đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân hàng năm	1,5-2%	1,5-2%	1,5-2%
- Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt	> 95%	> 97%	100%
- Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia	>85%	>90%	> 95%
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng	10,4%	< 10,4 %	< 10%
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	15,7%	15%	< 13,5%
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt	95%	> 95%	> 95%
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	1%	1%	1%
- Số hộ gia đình văn hoá	> 93%	> 95%	> 97%
- Thôn, tổ dân phố văn hoá	100%	100%	100%
- Xã đạt chuẩn văn hoá NTM	100%	100%	100%
- Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	100%	100%	100%
- Tỷ lệ TCCS đảng hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt	>85%	>90	>95

IV. Nhiệm vụ giải pháp chủ yếu

1. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành, phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại

Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp tại Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; Chương trình hành động số 03/Ctr-UBND ngày 15/6/2016 của UBND Huyện Lâm Hà về thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 01/9/2017 của UBND huyện Lâm Hà về Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp hướng đến toàn diện, bền vững và hiện đại tỉnh Lâm Đồng năm 2021; Kế hoạch Cơ cấu lại ngành nông nghiệp hướng đến toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2021-2025 của UBND huyện Lâm Hà.

Tập trung thực hiện các giải pháp như: Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến và quán triệt chủ trương, nội dung, yêu cầu của Đề án và Kế hoạch hành động tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các quy hoạch chuyên ngành về nông, lâm nghiệp; rà soát, nâng cao chất lượng lập và tổ chức thực hiện quy hoạch. Chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất. Phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, mở rộng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm, thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch trồng 4,8 triệu cây và kế hoạch trồng phục hồi rừng trên đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp”; Làm tốt công tác phối hợp, tăng cường kiểm tra, truy quét tại các khu vực trọng điểm để ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng.

2. Phát triển công nghiệp -TTCN, ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo việc làm và thu nhập tại chỗ cho dân cư nông thôn

Khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn để tận dụng thời gian lao động nhàn rỗi trong nông nghiệp, đặc biệt là các ngành nghề truyền thống sử dụng nguyên liệu là các chủng loại nông sản để tạo ra các sản phẩm đặc thù có giá trị và chất lượng cao. Gắn hoạt động sản xuất, kinh doanh của các làng nghề với phát triển hoạt động du lịch và bảo tồn văn hóa truyền thống. Phát triển làng nghề, sản phẩm làng nghề gắn với dịch vụ du lịch về cội nguồn, các lễ hội truyền thống. Phát triển làng nghề đi đôi với bảo vệ môi trường bền vững.

Thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp sơ chế, chế biến các sản phẩm của huyện, tập trung vào các lĩnh vực như chế biến cà phê, mắc ca, uôm tơ, xe sợi, dệt lụa, sản xuất thức ăn chăn nuôi...

3. Xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa; phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, cải thiện nhanh các điều kiện sống ở các vùng nông thôn

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chi tiết, cụ thể hàng năm để thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới; Triển khai thực hiện của các cấp Chính quyền, đoàn thể từ huyện đến các xã, các thôn về chủ trương và các định hướng lớn trong phát triển nông thôn, xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn.

4. Nâng cao toàn diện thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của dân cư, đảm bảo công bằng xã hội ở nông thôn

Huy động thu hút mọi nguồn lực và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, giải quyết việc làm nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nông dân. Vận động nông dân tham gia có hiệu quả các phong trào xây dựng gia đình văn hóa; thôn, khu phố, xã, thị trấn văn hóa; tham gia phòng chống tội phạm đảm bảo quốc phòng an ninh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững, chương trình phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tiếp tục bố trí kinh phí để đầu tư phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội ở nông thôn.

5. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn

Áp dụng các tiêu chí, quy trình kỹ thuật để thực hiện các mô hình canh tác theo hướng cảnh quan bền vững, sử dụng hợp lý phân bón, thuốc BVTV, ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm (mỗi năm tăng khoảng 50 ha)... nhằm khai thác và sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp đến môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu,...

Nâng cao năng lực trong công tác điều tra, dự báo và phòng chống dịch bệnh; chủ động xây dựng kế hoạch, theo dõi diễn biến dịch bệnh, tăng cường công tác kiểm dịch, cung ứng kịp thời vật tư phòng chống dịch nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các dấu hiệu dịch bệnh, không để dịch bệnh phát triển trên diện rộng nhằm giảm tối đa thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

Chủ động trong công tác phòng chống thiên tai: Tiến hành rà soát, sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước có nguy cơ mất an toàn cao. Chủ động xây dựng kế hoạch, tăng cường công tác dự báo, cảnh báo thiên tai; trang bị phục vụ công tác phòng chống và ứng phó với thiên tai, nâng cao kỹ năng ứng phó thiên tai của người dân. Điều tiết cơ cấu cây trồng, vật nuôi đặc biệt là các cây trồng ở vùng không chủ động được nước tưới. Điều chỉnh mùa vụ phù hợp với sự biến đổi của thời tiết khí hậu.

6. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

Tạo điều kiện thuận lợi để củng cố, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình kinh tế tập thể, kinh tế trang trại. Tiếp tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại; nâng cao kiến thức về Luật, cơ chế chính sách của Nhà nước, các quy định có liên quan trong quá trình hoạt động và tổ chức sản

xuất kinh doanh. Nâng cao các kỹ năng trong quản lý, điều hành, hỗ trợ tiếp cận thị trường và xây dựng thương hiệu; đầu tư mở rộng sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất. Triển khai thực hiện đề án phát triển kinh tế tập thể; thành lập mới 3-4 HTX/năm. Đổi mới hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước đối với HTX, THT như cho mượn vốn, hùn vốn, hỗ trợ kỹ năng, kỹ thuật để phát triển sản xuất.

7. Thúc đẩy tham gia cách mạng công nghiệp 4.0, nâng cao nhanh trình độ khoa học công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn

Tăng cường đào tạo để thay đổi tư duy nhận thức cho cán bộ quản lý trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn về xu hướng phát triển của khoa học công nghệ trên thế giới, mô hình quản lý mới tiên tiến, hiện đại để có sự tham mưu, điều chỉnh kịp thời trong công tác chỉ đạo, điều hành.

Củng cố hệ thống đào tạo nghề, mở rộng việc đào tạo nghề sản xuất kinh doanh nông nghiệp; đào tạo nghề nâng cao cho các hộ nông dân để có thể tiếp cận và vận hành các thiết bị nông nghiệp mới trong sản xuất; có chính sách và biện pháp đảm bảo nguồn thu nhập ổn định nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Khuyến khích và thu hút nhân tài trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn về làm việc tại địa phương.

8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước, đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phát huy vai trò của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp; phát huy dân chủ và vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển

Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của tổ chức Đảng. Các đảng bộ, chi bộ cơ sở phải đổi mới nội dung, phương hướng hoạt động để thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện trên địa bàn nông thôn, củng cố và nâng cao năng lực tổ chức và cán bộ quản lý nông nghiệp từ huyện đến cơ sở, nhất là đối với cán bộ cấp xã, khuyến nông viên cơ sở, cán bộ ban lâm nghiệp xã, cán bộ chi Hội nông dân.

Tiếp tục đổi mới nội dung phương thức để nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn, đẩy mạnh phong trào thi đua của các đoàn thể, phát huy mạnh mẽ vai trò của Hội Nông dân để thu hút nông dân tham gia sinh hoạt, đẩy mạnh phong trào sản xuất kinh doanh giỏi, giúp nhau xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng trong nông dân. Phát huy vai trò nòng cốt của Hội Nông dân trong phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn nhất là phong trào toàn dân đoàn kết chung tay chung sức xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh dịch vụ thông qua Hội Nông dân để giúp nông dân phát triển kinh tế, vươn lên làm giàu chính đáng và xây dựng hội vững mạnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Chương trình, Đề án và Kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện; chỉ đạo các phòng, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng Chương trình, Kế hoạch cụ thể phù hợp với từng địa phương,

đơn vị để tổ chức thực hiện; đôn đốc, kiểm tra quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy kết quả thực hiện theo quy định.

2. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở tổ chức phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW.

3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch và chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết đến cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và quần chúng nhân dân.

4. Ủy ban kiểm tra Huyện ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Huyện ủy kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy theo quy định.

VI. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương

Tăng mức hỗ trợ hàng năm của các Chương trình, Dự án giảm nghèo, nhất là hỗ trợ sản xuất và đầu tư kết cấu hạ tầng của Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững.

Quan tâm đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

2. Đối với tỉnh

Bổ trí kinh phí thực hiện xây dựng nông thôn mới theo Đề án đã được phê duyệt; các công trình trọng điểm, chương trình trọng tâm của huyện; quan tâm công tác đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp nông thôn.

3. Đối với các sở, ban ngành liên quan

Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, quảng bá giới thiệu sản phẩm, triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án, Dự án của tỉnh trên địa bàn; hỗ trợ địa phương thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới theo lộ trình, kế hoạch đề ra.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy Lâm Đồng,
- UBND tỉnh Lâm Đồng,
- Sở Nông nghiệp & PTNT,
- Các đồng chí Ủy viên BTV HU,
- Lưu VPHU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

